TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *K, ngày 15 tháng 8 năm 2023.*

Số: 07/2023/QĐST- KDTMST

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 275, Điều 280, Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 50, Điều 55 của Luật Thương Mại; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 11/2023/ TLST-KDTM, ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*/ ***Nguyên đơn:*** - **Công ty CP kinh doanh T.**

Địa chỉ trụ sở: Số A - Lô B1, KĐTM V, đường B2, phường G, quận L, TP. H1.

Văn phòng giao dịch: KM2, quốc lộ 3, D , xã M, huyện Đ, TP. H1.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Xuân G1 - Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân N –Thành viên hội đồng quản trị.

/ Bị đơn: **Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B.**

Địa chỉ: KM 17, Quốc lộ 39, thôn L, xã V1, huyện K, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Công H2 – Chủ tịch HĐTV.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình T - Quyền giám đốc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ phải trả: Căn cứ Hợp đồng mua bán số 1602/HĐMB/TH-PCC-1 ngày 16/02/2019 giữa Công ty CP kinh doanh T với Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B, tính đến ngày 07/8/2023, Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B còn nợ Công ty CP kinh doanh T số tiền gốc là 414.846.258 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm mười tám đồng). Đối với số tiền lãi Công ty CP kinh doanh T không yêu cầu Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B phải thanh toán.

2.2 Về thời hạn và phương án trả nợ:

- Chậm nhất là ngày 15 tháng 8 năm 2023, Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B phải trả cho Công ty CP kinh doanh T số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).
- Chậm nhất là ngày 15 tháng 9 năm 2023, Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B phải trả cho Công ty CP kinh doanh T số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).
- Chậm nhất là ngày 15 tháng 10 năm 2023, Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B phải trả cho Công ty CP kinh doanh T số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).
- Chậm nhất là ngày 15 tháng 11 năm 2023, Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B phải trả cho Công ty CP kinh doanh T số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).
- Chậm nhất là ngày 15 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B phải trả cho Công ty CP kinh doanh T số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).
- Chậm nhất là ngày 15 tháng 01 năm 2024, Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B phải trả cho Công ty CP kinh doanh T toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B vi phạm bất kỳ một thời hạn trả nợ nào như đã thỏa thuận nêu trên thì Công ty CP kinh doanh T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thu hồi toàn bộ số tiền còn lại làm một lần ngay sau thời điểm Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà không cần phải chờ đến các kỳ hạn tiếp theo.

Trường hợp Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B không thực hiện đúng phương án trả nợ như trên thì Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

2.3. Về án phí: Công ty TNHH MTV PCC-1 chế tạo B tự nguyện chịu toàn bộ án phí KDTM sơ thẩm là 10.296.925đ (Mười triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi năm đồng).

Công ty CP kinh doanh T được hoàn trả lại 13.765.000đ (Mười ba triệu bảy trăm sáu mươi năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008311, ngày 08/5/2023 tại chi cục thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện K/C;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu H4